

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 391/2025/DS-PT  
Ngày: 30 - 6 - 2025  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 869/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trình Thị Ngọc D**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Huỳnh Thị Mười E**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Trình Thị Ngọc D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trình Thị Ngọc D, có đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Duy T trình bày:*

Do là chỗ chị em bà con, hàng xóm thân thiết với nhau nên vào năm 2018 và năm 2019 chị D có cho ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị Mười E mượn tiền với tổng số tiền là 50.000.000đồng, không tính lãi, cụ thể:

- Ngày 05/12/2018 bà Huỳnh Thị Mười E mượn của chị D số tiền 20.000.000đồng.

- Ngày 04/02/2019 bà Huỳnh Thị Mười E có mượn của chị D số tiền 30.000.000đồng.

Khi mượn tiền bà E có viết biên nhận cho chị D, các lần mượn tiền do bà E đến hỏi mượn. Trong lần mượn thứ hai bà E cam kết miệng trong vòng 03 tháng sẽ trả cho chị D toàn bộ số tiền đã mượn là 50.000.000đồng, tức là sẽ trả vào ngày 04/5/2019. Quá hạn thanh toán chị D đã nhiều lần gặp bà E, ông N để yêu cầu trả nợ, nhưng bà E, ông N cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả nợ cho chị D.

Tuy người mượn tiền là bà E, nhưng bà E mượn tiền để dùng mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chăm sóc vườn sầu riêng của gia đình nên nay chị Trình Thị Ngọc D1 khởi kiện yêu cầu bà E và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D1 số tiền vốn 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/6/2019 cho đến ngày 10/12/2024 là 66 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 27.390.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 77.390.000đồng.

*Bị đơn bà Huỳnh Thị Mười E trình bày:* Bà thừa nhận có vay của bà Trình Thị Ngọc D số tiền 120.000.000đồng, tiền lãi 5%/tháng. Sau đó con gái bà đã trả cho chị D được 70.000.000đồng. Nay bà xác định còn nợ bà D 50.000.000đồng, bà xin trả làm 03 lần, 04 tháng trả 01 lần cho đến khi hết số nợ. Bà xin không trả lãi, vì bà đã trả lãi cho bà D quá nhiều. Việc vay tiền là của riêng bà, không liên quan đến chồng bà là ông N, ông N không biết việc bà vay tiền của chị D. Do bà buôn bán thua lỗ, bị bạn hàng không trả tiền nên đã lén ông N vay tiền để bù vào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D.

1. Buộc bà Huỳnh Thị Mười E có nghĩa vụ trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền là 77.390.000đồng, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị Trình Thị Ngọc D có yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Mười E chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới cùng bà Huỳnh Thị Mười E trả số tiền 77.390.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/01/2025, nguyên đơn chị Trình Thị Ngọc D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa Phúc thẩm giải quyết: Sửa 1 phần bản án số 14/2024/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N, bà E phải liên đới trả cho chị 77.390.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền vốn và 27.390.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên câu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông N có nghĩa vụ liên đới cùng bà E trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền là 77.390.000đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Trình Thị Ngọc D, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trình Thị Ngọc D và bà Huỳnh Thị Mười E trình bày thống nhất trong năm 2018 và năm 2019 bà Mười E có vay của chị D tổng số tiền là 50.000.000đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 05/12/2018, bà Mười E vay số tiền là 20.000.000đồng.

- Ngày 04/02/2019, bà Mười E vay số tiền là 30.000.000đồng.

Khi vay bà Mười E có viết biên nhận cho chị D. Các lần vay và nhận tiền do bà Mười E trực tiếp đến hỏi vay và nhận tiền. Theo chị D trình bày thì khi bà Mười E không trả tiền chị đến nhà đòi nên ông N biết và chị cho rằng bà Mười E vay tiền của chị để mua phân thuốc bảo vệ thực vật chăm sóc vườn sầu riêng của gia đình nên chị yêu cầu bà Mười E và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị. Bà Mười E và ông N cho rằng bà Mười E mua bán riêng bị thua lỗ nên đã lén ông đi vay tiền để bù vào, ông N có khoảng 7.000m<sup>2</sup> đất trồng sầu riêng và đã cho trái, ông có thu nhập ổn định để lo chi phí sinh hoạt cho gia đình, ông N không đồng ý cùng bà Mười E trả nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc bà Mười E trả cho chị D tổng số tiền vốn và lãi là 77.390.000đồng, chị D không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của chị Trình Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bút lục số 07 (tài liệu photo đã được Tòa án ký đối chiếu) có nội dung “Tôi tên Nguyễn Văn T1 có lấy cô G 50.000.000 năm mươi triệu bằng tiền 20/8. Huỳnh Thị Mười E, tôi mẹ T1 có lấy thêm hai chục triệu 5/12/2018. Tôi Huỳnh Thị Mười E có lấy thêm ba chục triệu. Ngày 4 T2 -2019”, chị D xác định khoản tiền trên là của anh T1 vay riêng nhưng do anh T1 là con ruột bà Mười E nên viết chung biên nhận. Theo biên nhận thể hiện bà Mười E là người trực tiếp vay và nhận tiền của chị D, bà Mười E cũng thừa nhận khoản tiền này bà vay để mục đích phục vụ cho việc mua bán của cá nhân bà, khi vay tiền bà không thông báo cho ông N biết. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị D cũng xác định khi cho bà Mười E vay tiền không có mặt ông N và chị D cũng không nói cho ông N biết đến khi bà Mười E không trả tiền thì chị D đến nhà đòi tiền lúc này ông N mới biết. Như vậy, tuy số nợ của bà Mười E là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng chị D không chứng minh được đây là nợ chung của bà Mười E và ông N và cũng không nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Mười E có nghĩa vụ trả cho chị D là có cơ sở và phù hợp.

Chị D xác định hợp đồng vay giữa chị và bà Mười E là không có lãi và có thỏa thuận miệng thời gian trả là 03 tháng nên chị yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000đồng theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/6/2019 đến ngày 10/12/2024. Xét thấy theo nội dung biên nhận hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chị D cho rằng hai bên thỏa thuận miệng thời hạn là 03 tháng nhưng bà Mười E không thừa nhận, lẽ ra thời gian tính lãi trong hợp đồng vay này phải là thời điểm phát sinh tranh chấp nhưng án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị D về thời gian tính lãi, phần này bà Mười E không kháng cáo là có lợi cho chị D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trình Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trình Thị Ngọc D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D.

Buộc bà Huỳnh Thị Mười E có nghĩa vụ trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền là 77.390.000đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới cùng bà Huỳnh Thị Mười E trả số tiền 77.390.000đồng.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mười E phải chịu là 3.869.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trình Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, chị D đã nộp 2.620.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002557 ngày 31/10/2024 và 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002904 ngày 23/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho chị D 2.620.000đồng tiền tạm ứng án phí.

Kể từ ngày chị D yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà Mười E chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Tuyết Linh**